

Số: 16/BC-TCTK

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI** **THÁNG 01 NĂM 2021**

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào gieo cấy, chăm sóc lúa đông xuân, gieo trồng cây hoa màu trên cả nước và thu hoạch cây vụ đông ở miền Bắc. Chăn nuôi lợn tiếp tục đà phục hồi, chăn nuôi gia cầm phát triển tốt. Sản xuất lâm nghiệp tập trung chuẩn bị mặt bằng, wòm và chăm sóc cây giống phục vụ Tết trồng cây xuân Tân Sửu. Ngành thủy sản đạt sản lượng khai thác khá do thời tiết ngư trường thuận lợi, người dân tích cực bám biển trong tháng cận Tết.

a) Nông nghiệp

Tính đến thời điểm 15/01/2021, cả nước gieo cấy được 1.826,9 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 92,9% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 62,2 nghìn ha, bằng 55,4% do ảnh hưởng của rét đậm, rét hại trên diện rộng nên người dân lùi thời gian gieo trồng chờ thời tiết ấm hơn; các địa phương phía Nam đạt 1.764,7 nghìn ha, bằng 95,2%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.434,8 nghìn ha, bằng 94,6%. Dự báo tình hình xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long sẽ ở mức cao hơn trung bình nhiều năm và tập trung trong quý I, do đó các địa phương cần có các biện pháp chủ động phòng chống xâm nhập mặn, khuyến cáo người dân hạn chế xuống giống ở những nơi không đảm bảo nguồn nước ngọt. Hiện nay, trà lúa đông xuân sớm đang trong giai đoạn làm đòng đến chín, sinh trưởng và phát triển khá tốt. Đây là giai đoạn quan trọng ảnh hưởng đến năng suất lúa nên ngành Nông nghiệp cần tuyên truyền, hướng dẫn bà con nông dân tuân thủ lịch thời vụ, thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh, theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết để đảm bảo cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt.

Cùng với việc gieo cấy lúa đông xuân, đến trung tuần tháng Một, các địa phương trên cả nước gieo trồng được 146,8 nghìn ha ngô, bằng 97,7% cùng kỳ năm trước; 35 nghìn ha khoai lang, bằng 94,3%; 4,1 nghìn ha đậu tương, bằng 73,2%; 28,7 nghìn ha lạc, bằng 99,7%; 313,8 nghìn ha rau đậu, tương đương cùng kỳ năm trước.

Thời tiết rét đậm, rét hại trong tháng Một đã ảnh hưởng đến chăn nuôi trâu, bò. Băng giá, mưa tuyết tại các tỉnh miền núi phía Bắc khiến trâu, bò của một số hộ dân bị chết rét. Mặc dù không thuộc khu vực trọng điểm rét đậm, rét hại nhưng tại huyện miền núi A Lưới (Thừa Thiên - Huế) đã có hơn 500 con trâu, bò bị chết rét. Chăn nuôi lợn tiếp tục đà phục hồi, chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, bảo đảm nguồn cung đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu. Ước tính tháng Một, tổng số bò cả nước tăng 2,2% so với cùng thời điểm năm trước; tổng số trâu giảm 2,7%; tổng số lợn tăng 16,2%; tổng số gia cầm tăng 6,5%. Tính đến ngày 21/01/2021, cả nước không còn dịch lợn tai xanh. Một số loại dịch bệnh chưa qua 21 ngày còn ở các địa phương: Dịch cúm gia cầm ở Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Ninh; dịch lở mồm long móng ở Bắc Kạn, Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Trà Vinh và dịch tả lợn châu Phi còn ở 72 huyện của 30 địa phương.

b) Lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào chuẩn bị mặt bằng, ươm và chăm sóc cây giống phục vụ phong trào “Tết trồng cây” đầu xuân Tân Sửu. Trong tháng Một, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước ước tính đạt 6,9 nghìn ha, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt gần 3,7 triệu cây, giảm 2,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 900 nghìn m³, tăng 3,1%; sản lượng củi khai thác đạt 1,5 triệu ste, giảm 1,3%.

Trong tháng Một (16/12/2020-15/01/2021), diện tích rừng bị thiệt hại là 114,8 ha, cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 chỉ thiệt hại 6 ha). Trong đó, diện tích rừng bị cháy là 62,4 ha (cùng kỳ năm 2020 không có diện tích bị cháy), tập trung ở Quảng Ninh với 46,4 ha; Cao Bằng 10,4 ha; Thái Nguyên 4 ha; diện tích rừng bị chặt, phá ở mức cao với 52,4 ha, gấp 8,7 lần cùng kỳ năm 2020, tập trung ở một số tỉnh: Bắc Kạn 11,6 ha; Đắk Nông 11 ha; Kon Tum 8,1 ha; Tây Ninh 6,2 ha; Điện Biên 5,7 ha; Hải Dương 2,1 ha; Sơn La 0,4 ha.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 01/2021 ước tính đạt 497,9 nghìn tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 372,5 nghìn tấn, tăng 1,1%; tôm đạt 52,3 nghìn tấn, tăng 4,2%; thủy sản khác đạt 73,1 nghìn tấn, tăng 3,4%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước tính đạt 252,5 nghìn tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 180,9 nghìn tấn, giảm 0,3%; tôm đạt 41,3 nghìn tấn, tăng 4%. Tháng Một là thời điểm người nuôi cá tra chuẩn bị cho vụ mới nhưng giá con giống hiện ở mức cao trong khi giá cá tra nguyên liệu vẫn chỉ dao động ở mức 18.000-20.000 đồng/kg. Sản lượng cá tra tháng 01/2021 ước tính đạt 80,5 nghìn tấn, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm

trước. Người nuôi tôm nước lợ cũng đang chăm sóc diện tích nuôi chuẩn bị cho thu hoạch để phục vụ nhu cầu tiêu thụ Tết. Giá tôm ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tăng so với cùng kỳ năm trước¹ nhưng sản lượng tôm ở các ao nuôi cũng không còn nhiều. Sản lượng tôm sú ước tính đạt 14,8 nghìn tấn, tăng 0,2%; tôm thẻ chân trắng ước tính đạt 22,7 nghìn tấn, tăng 4,7%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 01/2021 ước tính đạt 245,4 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 191,6 nghìn tấn, tăng 2,5%; tôm đạt 11 nghìn tấn, tăng 4,8%; thủy sản khác đạt 42,8 nghìn tấn, tăng 2,1%. Thời tiết ngư trường tháng Một nhìn chung thuận lợi. Đây là tháng cận Tết nên ngư dân tích cực bám biển. Sản lượng thủy sản khai thác biển ước tính đạt 232,3 nghìn tấn, tăng 2,7%, trong đó cá đạt 182,8 nghìn tấn, tăng 2,5%; tôm đạt 10,1 nghìn tấn, tăng 6,3%.

2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tiếp tục khởi sắc khi dịch Covid-19 được kiểm soát tốt ở trong nước, thêm vào đó số ngày làm việc của tháng Một năm nay nhiều hơn năm trước² nên chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01/2021 ước tính tăng cao 22,2% so với tháng 01/2020, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 27,2%.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2021 giảm 3,2% so với tháng trước và tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 27,2%, đóng góp 21,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 16,3%, đóng góp 1,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%, làm giảm 1 điểm phần trăm.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất tháng Một tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất kim loại tăng 48,7%; sản xuất thiết bị điện tăng 42,2%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 38%; sản xuất xe có động cơ tăng 36,9%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 34,4%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 32,7%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) tăng 32,6%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 31,7%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 31,3%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 25,9%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 24,6%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất, khai thác quặng kim loại cùng tăng 24,4%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 24%. Bên cạnh đó, một số ngành tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất trang phục tăng 9,9%; thoát nước và xử

¹ Trung tuần tháng Một, giá tôm thẻ chân trắng loại 100 con/kg dao động ở 100.000-102.000 đồng/kg; giá tôm sú loại 30 con/kg dao động trong khoảng 170.000-180.000 đồng/kg.

² Do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Canh Tý tập trung trong tháng 01/2020.

lý nước thải tăng 6,3%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 4,2%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 3,8%; khai thác than cứng và than non tăng 3,2%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 13,8%; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng giảm 17,1%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 01/2021 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Tivi các loại tăng 106,2%; linh kiện điện thoại tăng 71,5%; thép cán tăng 63,4%; sắt, thép thô tăng 38,8%; ô tô tăng 38,2%; xi măng tăng 35,8%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 35,6%; sữa bột tăng 31,1%; sơn hóa học tăng 30,9%; sữa tươi tăng 28%; bia các loại tăng 24,9%; thuốc lá điều tăng 23%; phân hỗn hợp NPK tăng 22,8%; vải dệt từ sợi nhân tạo tăng 20,4%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước: Phân u rê tăng 4,4%; nước máy thương phẩm tăng 3,7%; than sạch tăng 3,1%; giày, dép da tăng 3%; thép thanh, thép góc tăng 2,2%; bột ngọt tăng 1,7%; khí hóa lỏng LPG giảm 0,1%; dầu thô khai thác giảm 12,5%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 15,1%; xăng dầu các loại giảm 52,4%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/01/2021 tăng 1,1% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 1,4% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 1,7%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 2,5%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 0,8%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng và ngành chế biến, chế tạo giảm 1,4% so với cùng thời điểm năm trước; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,5%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,5%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp³

Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong tháng 01/2021 có nhiều khởi sắc khi doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng cả về số lượng và vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước và tăng ở hầu hết các lĩnh vực hoạt động. Tổng số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung của các doanh nghiệp vào nền kinh tế trong tháng 01/2021 là 395,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với tháng 01/2020.

Trong tháng 01/2021, cả nước có gần 10,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 155,1 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 115,9 nghìn lao động, tăng 21,9% về số doanh nghiệp, tăng 25,9% về vốn đăng ký và tăng 37,2% về số lao động so với cùng kỳ năm 2020. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 15,4 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 240 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của

³ Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4.015 doanh nghiệp đăng ký tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong tháng 01/2021 là 395,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, còn có 6.503 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng 01/2021 lên 16.594 nghìn doanh nghiệp, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước.

Theo khu vực kinh tế, tháng 01/2021 có 174 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước; 2.747 doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 13,8%; 7.170 doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 25,5%. Hầu hết các ngành hoạt động có số doanh nghiệp thành lập mới tăng: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 3.366 doanh nghiệp, tăng 65,2% so với cùng kỳ năm 2020; công nghiệp chế biến, chế tạo 1.265 doanh nghiệp, tăng 4%; xây dựng 1.220 doanh nghiệp, tăng 14,6%; khoa học công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác 874 doanh nghiệp, tăng 5,8%; kinh doanh bất động sản 600 doanh nghiệp, tăng 33,3%; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác 520 doanh nghiệp, tăng 3,6%; vận tải, kho bãi 459 doanh nghiệp, tăng 6,7%; sản xuất và phân phối điện, nước, gas 204 doanh nghiệp, tăng 102%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm 110 doanh nghiệp, tăng 7,8%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 81 doanh nghiệp, tăng 50%; khai khoáng 58 doanh nghiệp, tăng 87,1%. Có 4 ngành có số doanh nghiệp thành lập mới giảm so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Dịch vụ lưu trú và ăn uống 396 doanh nghiệp, giảm 20,8%; giáo dục và đào tạo 299 doanh nghiệp, giảm 1%; thông tin và truyền thông 289 doanh nghiệp, giảm 10,5%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí 72 doanh nghiệp, giảm 15,3%.

Cũng trong tháng Một năm nay có 25.752 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: 18.055 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 54,3%; 5.602 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 0,8%; 2.095 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 29,2%, trong đó có 1.883 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, tăng 29,8%; 21 doanh nghiệp có quy mô vốn trên 100 tỷ đồng, giảm 4,5%. Doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 795 nghìn doanh nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo có 245 doanh nghiệp; xây dựng có 192 doanh nghiệp; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác có 122 doanh nghiệp; dịch vụ lưu trú và ăn uống có 105 doanh nghiệp; kinh doanh

bất động sản có 100 doanh nghiệp; vận tải, kho bãi có 96 doanh nghiệp; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng, các dịch vụ hỗ trợ khác có 93 doanh nghiệp; giáo dục, đào tạo có 77 doanh nghiệp; thông tin truyền thông có 68 doanh nghiệp; sản xuất phân phối điện, nước, gas 51 doanh nghiệp.

4. Đầu tư

Hoạt động đầu tư trong tháng 01/2021 tập trung chủ yếu vào thi công các công trình chuyển tiếp từ năm trước, hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành của năm 2020. Đối với các công trình mới được bố trí vốn năm 2021 chủ yếu đang trong thời gian hoàn tất các thủ tục, hồ sơ chuẩn bị đầu tư nên chưa có khối lượng thực hiện. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2021 đạt thấp so với kế hoạch năm (5,1%) nhưng tăng cao 24,5% so với cùng kỳ năm 2020 do tháng Một năm trước trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2021 ước tính đạt 23.233 tỷ đồng, bằng 5,1% kế hoạch năm và tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 bằng 3,6% và tăng 8,2%), gồm có:

- Vốn Trung ương quản lý đạt 3.045 tỷ đồng, bằng 3,9% kế hoạch năm và tăng 28,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Bộ Giao thông Vận tải đạt 1.167 tỷ đồng, bằng 3,4% và tăng 69,3%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 184 tỷ đồng, bằng 4,3% và tăng 17,1%; Bộ Y tế 133 tỷ đồng, bằng 5,4% và giảm 29,1%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 81 tỷ đồng, bằng 4,8% và giảm 16,9%; Bộ Tài nguyên và Môi trường 51 tỷ đồng, bằng 5% và tăng 25,3%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 38 tỷ đồng, bằng 4,6% và tăng 53,7%; Bộ Công Thương 31 tỷ đồng, bằng 2,9% và tăng 98,3%; Bộ Xây dựng 21 tỷ đồng, bằng 3,1% và tăng 66,3%; Bộ Khoa học và Công nghệ 15 tỷ đồng, bằng 4,6% và tăng 54,7%; Bộ Thông tin và Truyền thông 15 tỷ đồng, bằng 2,8% và tăng 116,6%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 20.188 tỷ đồng, bằng 5,4% kế hoạch năm và tăng 24% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 13.470 tỷ đồng, bằng 5,1% và tăng 25,9%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 5.725 tỷ đồng, bằng 5,9% và tăng 22,6%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 993 tỷ đồng, bằng 7,1% và tăng 9,2%. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Một của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau: Hà Nội đạt 3.364 tỷ đồng, bằng 6,6% kế hoạch năm và tăng 52,1% so với cùng kỳ năm trước; Quảng Ninh 802 tỷ đồng, bằng 4,8% và tăng 90,4%; Bà Rịa - Vũng Tàu 634 tỷ đồng, bằng 5,9% và tăng 13,5%; thành phố Hồ Chí Minh 629 tỷ đồng, bằng 1,8% và tăng 15,1%; Đà Nẵng 598 tỷ đồng, bằng 8,3% và tăng 165%; Hải Phòng 582 tỷ đồng, bằng 4,3% và tăng 9,1%; Thanh Hóa 577 tỷ đồng, bằng 6,3% và tăng 2%; Bắc Ninh 522 tỷ đồng, bằng 8,6% và tăng 27,3%; Vĩnh Phúc 481 tỷ đồng, bằng 7,2% và tăng 18,3%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/01/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 2 tỷ USD, giảm 62,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó có 47 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 1,3 tỷ USD, giảm 81,8% về số dự án và giảm 70,3% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; 46 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 0,5 tỷ USD, tăng 41,4%; 194 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 0,2 tỷ USD, giảm 58,7%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần có 52 lượt làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp 0,13 tỷ USD và 142 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 0,09 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tháng Một ước tính đạt 1,5 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo đạt 1,1 tỷ USD, chiếm 71,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 235 triệu USD, chiếm 15,6%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 93,4 triệu USD, chiếm 6,2%.

Trong tháng Một, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 1,1 tỷ USD, chiếm 79,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 149,1 triệu USD, chiếm 11,3%; ngành vận tải, kho bãi đạt 107,5 triệu USD, chiếm 8,1%; các ngành còn lại đạt 10 triệu USD, chiếm 0,7%. Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,5 tỷ USD, chiếm 81,2% tổng vốn đăng ký; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 149,1 triệu USD, chiếm 8,3%; ngành vận tải, kho bãi đạt 107,5 triệu USD, chiếm 6%; các ngành còn lại đạt 81,1 triệu USD, chiếm 4,5%. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 81,8 triệu USD, chiếm 37% tổng giá trị góp vốn; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ đạt 43,9 triệu USD, chiếm 19,9%; các ngành còn lại đạt 95,1 triệu USD, chiếm 43,1%.

Trong số 12 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong tháng Một, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 544,7 triệu USD, chiếm 41,2% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Trung Quốc 270,6 triệu USD, chiếm 20,4%; Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ) 210,9 triệu USD, chiếm 15,9%; Hoa Kỳ 110,8 triệu USD, chiếm 8,4%; Hà Lan 80,6 triệu USD, chiếm 6,1%; Hàn Quốc 49,9 triệu USD, chiếm 3,8%; Ô-xtrây-li-a 32,6 triệu USD, chiếm 2,5%.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong tháng Một năm nay có 1 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam sang Trung Quốc vào ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 3,2 triệu USD, không có lượt dự án điều chỉnh vốn, giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2020.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Trong tháng 01/2021, nhiều khoản thu nội địa đạt mức thấp do mới bước vào đầu năm và chưa đến kỳ hạn kê khai nộp thuế; chi ngân sách Nhà nước đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Tổng thu ngân sách Nhà nước 15 ngày đầu tháng 01/2021 ước tính đạt 36 nghìn tỷ đồng, bằng 2,7% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 22,5 nghìn tỷ đồng, bằng 2%; thu từ dầu thô 989 tỷ đồng, bằng 4,3%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 12,6 nghìn tỷ đồng, bằng 7%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 1.006 tỷ đồng, bằng 0,7% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 2.863 tỷ đồng, bằng 1,4%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 3.727 tỷ đồng, bằng 1,6%; thu thuế thu nhập cá nhân 2.485 tỷ đồng, bằng 2,3%; thu thuế bảo vệ môi trường 329 tỷ đồng, bằng 0,5%; thu tiền sử dụng đất 6.621 tỷ đồng, bằng 5,9%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước 15 ngày đầu tháng Một ước tính đạt 42,5 nghìn tỷ đồng, bằng 2,5% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 29,7 nghìn tỷ đồng, bằng 2,9%; chi đầu tư phát triển 3 nghìn tỷ đồng, bằng 0,6%; chi trả nợ lãi 9,8 nghìn tỷ đồng, bằng 8,9%.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 01/2021 là thời điểm trước Tết Nguyên đán nên hoạt động bán lẻ và kinh doanh dịch vụ tiêu dùng tăng so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, các doanh nghiệp, trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị và cơ sở kinh doanh chủ động chuẩn bị nguồn hàng hóa dồi dào, phong phú, đa dạng và đưa ra nhiều chương trình, hình thức khuyến mại, giảm giá nhằm kích cầu, thu hút tiêu dùng của người dân trong dịp Tết Nguyên đán.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2021 ước tính đạt 479,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,7% (cùng kỳ năm 2020 tăng 8%).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng Một ước tính đạt 378,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 79% tổng mức và tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lương thực, thực phẩm tăng 5,3% và tăng 14,9%; may mặc tăng 6,2% và tăng 9,6%; phương tiện đi lại tăng 3,3% và tăng 10%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 2,3% và tăng 14,3%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 4,3% và tăng 13%. Một số địa phương có mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước: Hải Phòng tăng 12,2%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 12%; Hà Nội tăng 10,1%; Cần Thơ tăng 9,9%; Đà Nẵng tăng 3,9%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 01/2021 ước tính đạt 48,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 2,7% so với tháng trước và giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu của Bắc Ninh tăng 28,6%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 28,2%; Quảng Ninh tăng 17,3%; Cần Thơ tăng 15,6%; Thanh Hóa tăng 14%; Hải Phòng tăng 11,8%; Hà Nội tăng 10%; Đà Nẵng giảm 22,7%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 8,4%.

Doanh thu du lịch lữ hành trong tháng ước tính đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,3% tổng mức và tăng 0,7% so với tháng trước và giảm 62,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu của Thanh Hóa tăng 14,4%; Quảng Ninh tăng 13,1%; Hải Phòng tăng 2,7%; Hà Nội giảm 45,6%; Cần Thơ giảm 50,1%; Đà Nẵng giảm 68,2%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 69,9%; Quảng Nam giảm 91,3%; Khánh Hòa giảm 95%.

Doanh thu dịch vụ khác tháng Một ước tính đạt 50,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,6% tổng mức và tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu của Hải Phòng tăng 16,9%; Hà Nội tăng 13,8%; Đà Nẵng tăng 9,4%; Bắc Ninh tăng 7,5%; Quảng Ngãi giảm 6,1%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 2,4%; Thừa Thiên - Huế giảm 3,4%; Lào Cai giảm 6,8%.

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa⁴

Tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2020, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 đạt mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Samsung đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm điện thoại di động phiên bản mới S21 và do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán năm trước rơi vào tháng Một. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 54,1 tỷ USD, tăng 45,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 27,7 tỷ USD, tăng 50,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 26,4 tỷ USD, tăng 41%⁵. Cán cân thương mại hàng hóa tháng Một ước tính xuất siêu 1,3 tỷ USD.

⁴ Số liệu tháng 01/2021 do Tổ liên ngành gồm Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thống kê hợp ước tính căn cứ trên số liệu kim ngạch xuất, nhập khẩu tính đến ngày 27/01/2021 của Tổng cục Hải quan kết hợp với thông tin thị trường, tỷ trọng và xu hướng xuất, nhập khẩu các mặt hàng. Tổng cục Thống kê nhận được và cập nhật báo cáo vào ngày 28/01/2021.

⁵ Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng Một năm 2020 đạt 37,1 tỷ USD, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 18,4 tỷ USD, giảm 17%; nhập khẩu đạt 18,7 tỷ USD, giảm 13,2%.

Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thực hiện tháng 12/2020 đạt 27.653 triệu USD, cao hơn 1.153 triệu USD so với số ước tính, trong đó hàng dệt may cao hơn 330 triệu USD; điện thoại và linh kiện cao hơn 307 triệu USD; giày dép cao hơn 239 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng cao hơn 152 triệu USD. Tính chung cả năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thực hiện đạt 282,7 tỷ USD, tăng 7% so với năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 27,7 tỷ USD, tăng 0,2% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 7,6 tỷ USD, tăng 6,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 20,1 tỷ USD, giảm 2%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Một tăng 50,5%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 37,3%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 56,2%.

Trong tháng Một có 6 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 67,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó điện thoại và linh kiện có giá trị xuất khẩu lớn nhất đạt 5,8 tỷ USD, chiếm 20,9% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 114,8% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 4 tỷ USD, tăng 50,2%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 3,2 tỷ USD, tăng 115,3%; hàng dệt may đạt 2,6 tỷ USD, tăng 3,3%; giày dép đạt 1,8 tỷ USD, tăng 26,4%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,3 tỷ USD, tăng 48,4%. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản tăng so với cùng kỳ năm trước: Thủy sản đạt 600 triệu USD, tăng 19,6%; cao su đạt 321 triệu USD, tăng 142,2% (lượng tăng 119,7%); hạt điều đạt 268 triệu USD, tăng 51,7% (lượng tăng 78,2%); hạt tiêu đạt 51 triệu USD, tăng 42,4% (lượng tăng 21,9%); chè đạt 16 triệu USD, tăng 31,2% (lượng tăng 25,8%). Bên cạnh đó, rau quả đạt 260 triệu USD, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm trước; cà phê đạt 217 triệu USD, giảm 12,6% (lượng giảm 17,6%); gạo đạt 154 triệu USD, giảm 20,4% (lượng giảm 29,5%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu tháng Một, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 15,6 tỷ USD, tăng mạnh 71,6% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 56,3% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (tăng 6,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2020). Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước tính đạt 9,7 tỷ USD, tăng 32,3% và chiếm 35,2% (giảm 4,8 điểm phần trăm). Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 1,8 tỷ USD, tăng 21,4% và chiếm 6,4% (giảm 1,5 điểm phần trăm). Nhóm hàng thủy sản đạt 600 triệu USD, tăng 19,6% và chiếm 2,2% (giảm 0,6 điểm phần trăm).

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 7,5 tỷ USD, tăng 57,4% so với cùng kỳ năm trước; tiếp đến là Trung Quốc đạt 5,8 tỷ USD, tăng 111,6%;

thị trường EU đạt 2,8 tỷ USD, tăng 14,8%; thị trường ASEAN đạt 2,3 tỷ USD, tăng 31,9%; Nhật Bản đạt 1,9 tỷ USD, tăng 22,7%; Hàn Quốc đạt 1,7 tỷ USD, tăng 24,2%.

Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa thực hiện tháng 12/2020 đạt 27.905 triệu USD, cao hơn 405 triệu USD so với số ước tính, trong đó quặng và khoáng sản cao hơn 100 triệu USD; ô tô cao hơn 92 triệu USD; vải và điện thoại và linh kiện cùng cao hơn 80 triệu USD; nguyên phụ liệu dệt, may, giày, dép cao hơn 65 triệu USD. Tính chung cả năm 2020, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa thực hiện đạt 262,7 tỷ USD, tăng 3,7% so với năm trước.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 26,4 tỷ USD, giảm 5,4% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 9,4 tỷ USD, giảm 4,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 17 tỷ USD, giảm 5,8%. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Một tăng 41%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 35,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 44,3%.

Trong tháng Một có 4 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm 50,6% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 5,5 tỷ USD (chiếm 20,8% tổng kim ngạch nhập khẩu), tăng 29,9% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 4,1 tỷ USD, tăng 46,3%; điện thoại và linh kiện đạt 2,6 tỷ USD, tăng 128,3%; vải đạt 1,2 tỷ USD, tăng 32,9%.

Về cơ cấu nhập khẩu hàng hóa tháng Một, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 24,7 tỷ USD, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,7% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (bằng cùng kỳ năm 2020), trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 13,1 tỷ USD, tăng 46,2% và chiếm 49,5% (tăng 1,8 điểm phần trăm); nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu đạt 11,7 tỷ USD, tăng 35,5% và chiếm 44,2% (giảm 1,8 điểm phần trăm). Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 1,7 tỷ USD, tăng 41,5% và chiếm 6,3% (bằng cùng kỳ năm trước).

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 9,6 tỷ USD, tăng 72,7% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là Hàn Quốc đạt 5,1 tỷ USD, tăng 29,3%; thị trường ASEAN đạt 3,4 tỷ USD, tăng 63,3%; Nhật Bản đạt 2 tỷ USD, tăng 52,9%; thị trường EU đạt 1,3 tỷ USD, tăng 23,3%; Hoa Kỳ đạt 1 tỷ USD, tăng 4,2%.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng 12/2020 nhập siêu 252 triệu USD⁶; năm 2020 xuất siêu 20 tỷ USD. Ước tính tháng 01/2021 xuất siêu 1,3 tỷ USD⁷, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,8 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 3,1 tỷ USD.

c) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Tháng 01/2021 là tháng giáp Tết Nguyên đán Tân Sửu nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao. Giá lương thực, thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình tăng; giá xăng dầu, giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới là những yếu tố làm cho chỉ số giá tiêu dùng tháng 01/2021 tăng 0,06% so với tháng 12/2020 và giảm 0,97% so với tháng 01/2020.

Trong mức tăng 0,06% của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2021 so với tháng 12/2020 có 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, trong đó: Nhóm giao thông tăng cao nhất với 2,29% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 11/01/2021 và thời điểm 26/01/2021 làm chỉ số giá xăng, dầu tăng 6,07% (tác động làm CPI chung tăng 0,22%); bên cạnh đó, nhu cầu mua sắm và sửa chữa phương tiện cuối năm tăng nên giá một số loại xe và giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện tăng⁸. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,64%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng để chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán sắp tới (lương thực tăng 0,83%⁹; thực phẩm tăng 0,81%¹⁰; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,15%). Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,44% do thời tiết tiếp tục rét đậm, rét hại tại các tỉnh phía Bắc và nhu cầu mua sắm dịp Tết tăng nên giá quần áo, giày dép tăng. Nhóm giáo dục tăng 0,33% do thành phố Đà Nẵng thu lại học phí giáo dục từ tháng 01/2021 sau khi thực hiện Nghị quyết số 309/NQ-HĐND ngày 8/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc hỗ trợ học phí, trong đó chỉ số giá dịch vụ giáo dục tăng 0,38% (làm CPI chung tăng 0,02%). Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,32%¹¹; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch cùng mức tăng 0,08%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,24%. Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 2,31%, chủ yếu do các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁶ Tháng 12/2020 ước tính nhập siêu 1 tỷ USD.

⁷ Trong đó, tháng 01/2021 xuất siêu sang EU đạt 1,5 tỷ USD, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 3,8 tỷ USD, tăng 34,9%; nhập siêu từ Hàn Quốc 3,4 tỷ USD, tăng 32%; nhập siêu từ ASEAN 1,1 tỷ USD, tăng 211%.

⁸ Giá xe ô tô mới tăng 0,1%, xe máy tăng 0,15%, giá phụ tùng tăng 0,06%, giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,07%.

⁹ Chủ yếu do giá gạo tăng 1,04% (tác động làm CPI chung tăng 0,03%), trong đó: gạo nếp tăng 0,69%, gạo tẻ ngon tăng 0,81%, gạo tẻ thường tăng 1,11%.

¹⁰ Giá thịt lợn tăng 4,74%; giá các sản phẩm chế biến từ thịt lợn tăng (giá thịt quay, giò chả tăng 1,91%; nội tạng động vật tăng 2,96%; mỡ ăn tăng 5,36%); giá thịt gia cầm tươi sống tăng 0,97%; giá thủy hải sản tươi sống tăng 0,94%; giá bánh mứt, kẹo tăng 0,37%.

¹¹ Giá đồ uống không cồn tăng 0,13%; giá rượu bia tăng 0,45%; thuốc hút tăng 0,23%.

thực hiện gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 đợt 2 làm giá điện sinh hoạt giảm 16,88% (tác động làm CPI chung giảm 0,56%), mặt khác, giá gas tăng 7,67%, giá nhóm vật liệu, bảo dưỡng nhà ở tăng 1,94% và giá dầu hỏa tăng 8,33%. Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,1%. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 01/2021 giảm 0,97%.

Lạm phát cơ bản tháng 01/2021 tăng 0,27% so với tháng 12/2020 và tăng 0,49% so với cùng kỳ năm trước.

Giá vàng trong nước tăng theo giá vàng thế giới do đồng USD suy yếu trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại Mỹ. Bình quân giá vàng thế giới đến ngày 24/01/2021 tăng 0,3% so với tháng 12/2020. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 01/2021 tăng 2,17% so với tháng trước và tăng 28,19% so với cùng kỳ năm 2020.

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới giảm sau khi nước Mỹ chuyển giao quyền lực giữa hai thời kỳ Tổng thống khi đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến khó lường. Trong nước, lượng dự trữ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dồi dào đáp ứng nhu cầu về ngoại tệ của các doanh nghiệp nhập khẩu. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 01/2021 giảm 0,16% so với tháng 12/2020 và giảm 0,27% so với cùng kỳ năm 2020.

d) Vận tải hành khách và hàng hóa

Hoạt động vận tải tháng 01/2021 tiếp tục tăng 4,5% về lượng khách vận chuyển và tăng 2,9% lượng hàng hóa vận chuyển so với tháng trước. Tuy nhiên, Tết Nguyên đán 2021 rơi vào tháng Hai trong khi Tết Nguyên đán 2020 rơi vào tháng Một nên vận chuyển hành khách trong tháng giảm mạnh 16,1% so với cùng kỳ năm trước nhưng vận chuyển hàng hóa lại tăng 9,4%.

Vận tải hành khách tháng 01/2021 ước tính đạt 415,5 triệu lượt hành khách vận chuyển, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 17,7 tỷ lượt hành khách.km, giảm 25,4%, trong đó vận tải trong nước đạt gần 415,5 triệu lượt khách, giảm 15,9% và 17,5 tỷ lượt khách.km, giảm 6,8%; vận tải ngoài nước chỉ đạt 35 nghìn lượt khách, giảm 97,9% và 146 triệu lượt khách.km, giảm 97%. Xét theo ngành vận tải, vận tải hành khách đường bộ tháng Một đạt 390,8 triệu lượt khách, giảm 16,3% và 14,3 tỷ lượt khách.km, giảm 8,1%; đường thủy nội địa đạt 20,5 triệu lượt khách, giảm 5,9% và 376,5 triệu lượt khách.km, giảm 0,6%; đường hàng không đạt 3,2 triệu lượt khách, giảm 36,7% và 2,9 tỷ lượt khách.km, giảm 61%; đường biển đạt 686,7 nghìn lượt khách, giảm 8,1% và 42,7 triệu lượt khách.km, tăng 5,8%; đường sắt đạt 297,3 nghìn lượt khách, giảm 62,3% và 86,2 triệu lượt khách.km, giảm 77,1%.

Vận tải hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 169,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 31,5 tỷ tấn.km, tăng 6,8%, trong đó vận tải trong nước đạt 167,8 triệu tấn, tăng 10,4% và 19,5 tỷ tấn.km, tăng 19,4%; vận tải ngoài nước đạt 1,9 triệu tấn, giảm 38,6% và 12 tỷ tấn.km, giảm 8,8%. Xét theo ngành vận tải, vận tải hàng hóa đường bộ tháng Một đạt 131,8 triệu tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước và 8,9 tỷ tấn.km, tăng 7,4%; đường thủy nội địa đạt 29,5 triệu tấn, tăng 10,5% và 6,3 tỷ tấn.km, tăng 10,9%; đường biển đạt 7,8 triệu tấn, tăng 10,6% và 15,7 tỷ tấn.km, tăng 7,3%; đường sắt đạt 485 nghìn tấn, tăng 68,5% và 357 triệu tấn.km, tăng 84,4%; đường hàng không đạt 27,3 nghìn tấn, giảm 20,1% và 289,1 triệu tấn.km, giảm 61,1%.

e) Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng Một ước tính đạt 17,7 nghìn lượt người, tăng 9% so với tháng trước nhưng giảm 99,1% so với cùng kỳ năm trước do nước ta tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế nên lượng khách đến chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam và lái xe vận chuyển hàng hóa tại các cửa khẩu đường bộ.

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng 01/2021 ước tính đạt 17.736 lượt người, tăng 9% so với tháng trước và giảm 99,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 11.118 lượt người, giảm 99,3%; khách đến bằng đường bộ đạt 6.575 lượt người, giảm 97,8%; khách đến bằng đường biển chỉ đạt 43 lượt người, giảm 99,9%.

Trong tháng, khách quốc tế đến nước ta từ châu Á đạt 15.822 lượt người, chiếm 89,2% tổng số khách quốc tế, giảm 99% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ tất cả các thị trường chính đều giảm mạnh: Trung Quốc đạt 7.243 lượt người, giảm 98,9%; Hàn Quốc 3.903 lượt người, giảm 99,2%; Đài Loan 1.018 lượt người, giảm 98,7%; Nhật Bản 831 lượt người, giảm 99,1%. Khách đến từ châu Âu tháng Một ước tính đạt 1.185 lượt người, giảm 99,5% so với cùng kỳ năm trước; khách đến từ châu Mỹ ước tính đạt 486 lượt người, giảm 99,6%; khách đến từ châu Úc đạt 121 lượt người, giảm 99,8%; khách đến từ châu Phi đạt 122 lượt người, giảm 98%.

7. Một số tình hình xã hội

a) Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

Trong tháng Một, cả nước không phát sinh thiếu đói. Để góp phần ổn định đời sống nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và giáp hạt đầu năm 2021, các địa phương đang rà soát, tổng hợp số hộ, số khẩu có nguy cơ thiếu

đôi để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ gạo. Ngày 31/12/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2285/QĐ-TTg về hỗ trợ gạo cho nhân dân 2 tỉnh Nghệ An và Quảng Nam với số lượng hơn 1.702,8 tấn gạo. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành kế hoạch chăm lo Tết cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách với tổng số tiền hơn 14,1 tỷ đồng. Ngày 12/01/2021, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành Quyết định số 1921/QĐ-TLĐ về việc chi hỗ trợ cho đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và thiên tai năm 2020 trong dịp Tết từ 1 triệu đến 2 triệu đồng. Bên cạnh đó, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Kế hoạch chuẩn bị đón Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 và có các chương trình hỗ trợ riêng tùy theo điều kiện từng địa phương, bảo đảm cho người dân đón Tết vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Trong tháng (19/12/2020-18/01/2021), cả nước có 4.103 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết; 2.901 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 12 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút; 3 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu; 16 trường hợp sốt phát ban nghi sởi, trong đó có 1 trường hợp dương tính.

Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp¹², 5 quốc gia có số ca mắc Covid-19 nhiều nhất thế giới là Mỹ, Ấn Độ, Bra-xin, Nga và Anh. Tại Việt Nam, tính đến 14h00 ngày 28/01/2021 có 1.553 trường hợp mắc, 1.430 trường hợp đã được chữa khỏi (35 trường hợp tử vong).

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/01/2021 là 211.175 người; số người đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 97.121 người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 99.158 người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng Một xảy ra 3 vụ với 149 người bị ngộ độc (1 trường hợp tử vong).

c) Tai nạn giao thông

Trong tháng Một (15/12/2020-14/1/2021), trên địa bàn cả nước xảy ra 1.233 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 753 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 480 vụ va chạm giao thông, làm 608 người chết; 366 người bị thương và 529 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 5,2% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 7,3%; số vụ va chạm giao thông giảm 19,7%); số người chết tăng 2,9%; số

¹² Tính đến 14h00 ngày 28/01/2021, trên thế giới có 101.648,7 nghìn trường hợp mắc Covid-19 (2.184,5 nghìn trường hợp tử vong).

người bị thương tăng 1,9% và số người bị thương nhẹ giảm 13,1%. Bình quân một ngày trong tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 40 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 24 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 16 vụ va chạm giao thông, làm 20 người chết, 12 người bị thương và 17 người bị thương nhẹ.

d) Thiệt hại thiên tai, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Thiên tai xảy ra trong tháng chủ yếu là rét đậm, rét hại; sạt lở và triều cường làm 288,3 ha lúa và 110 ha hoa màu bị hư hỏng; 3,3 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 572 ngôi nhà bị ngập hư hại, thiệt hại ước tính hơn 25,5 tỷ đồng, trong đó thiệt hại do rét đậm, rét hại là 25,1 tỷ đồng (chiếm 98,5% tổng giá trị thiệt hại), tỉnh Thừa Thiên - Huế chịu thiệt hại nhiều nhất với 8,7 tỷ đồng; tiếp đến là các tỉnh Sơn La 5,3 tỷ đồng; Lai Châu 3,5 tỷ đồng; Quảng Trị 2,8 tỷ đồng; Quảng Bình 2,5 tỷ đồng...

Trong tháng 01/2021, các cơ quan chức năng đã phát hiện 2.353 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 1.923 vụ với tổng số tiền phạt hơn 19,3 tỷ đồng. Trong tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 245 vụ cháy, nổ, làm 5 người chết và 12 người bị thương, giá trị thiệt hại ước tính 114,2 tỷ đồng./.

Nơi nhận:

- Tổng Bí thư, Chủ tịch nước;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các cơ quan thuộc Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các cơ quan thuộc Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các đoàn thể Trung ương;
- Các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp VN;
- Các đơn vị thuộc Bộ KHĐT;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Các đơn vị thuộc TCTK;
- Lưu: VT, TKTH.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương